TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÔNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày : 24/02/2022

V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Huế

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Lợi Ê Ban và ông Phan Xuân Phong

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tấn Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, Đắk Lắk:* Ông Lê Thanh Niềm

Ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 137/2021/TLST-HNGĐ, ngày 18/10/2021 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST – HNGĐ ngày 25/01/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị T, sinh năm: 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã DK, KB, Đăk Lăk

- Bị đơn: Nguyễn Ngọc D , sinh năm: 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố A, Thị trấn KK, KB, Đắk Lắk

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và các biên bản hòa giải, chị Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Ngọc D chung sống với nhau từ năm 2013 và đã đăng ký kết hôn với nhau tại Uỷ ban nhân dân thị trấn KK, KB, Đắk Lắk . Quá trình chung sống cùng nhau, chúng tôi chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Do không thể hoà hợp nên hai vợ chồng tôi đã không chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện nay, tôi không còn tình cảm với anh Nguyễn Ngọc D nữa nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng chúng tôi.

Về con chung và tài sản chung: Chúng tôi không có con chung và tài sản chung nên tôi không đề nghị Toà án giải quyết

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Tôi tự nguyện nộp toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Tại bản tự khai ngày 21/10/2021 và tại biên bản hoà giải ngày 03/12/2021, anh Nguyễn Ngọc D trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và chị Trần Thị T chung sống với nhau từ năm 2013, chúng tôi có đăng ký kết hôn với nhau tại Uỷ ban nhân dân thị trấn KK, KB, Đắk Lắk. Chúng tôi chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Hai vợ chồng tôi đã không còn chung sống với nhau và ở riêng từ năm 2017 đến nay, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện nay, cô Trần Thị T làm đơn xin ly hôn với tôi, tôi cũng không còn tình cảm với cô Trần Thị T nữa nên tôi đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng chúng tôi.

Về con chung và tài sản chung: Chúng tôi không có con chung và tài

sản chung nên tôi không đề nghị Toà án giải quyết

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Tôi đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay,

Chị Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi giữ nguyên quan điểm là muốn được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc D

Về con chung và tài sản chung: Chúng tôi không có con chung và tài sản chung nên tôi không đề nghị Toà án giải quyết

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Tôi tự nguyện nộp toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm

Anh Nguyễn Ngọc D có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, Đắk Lắk tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, hoà giải, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng với quy định tại Điều 48 BLTTDS và tiến hành các hoạt động tố tụng khác khi giải quyết vụ án theo đúng quy định của BLTTDS; Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục tống đạt được đảm bảo đúng các quy định của BLTTDS về phiên toà sơ thẩm.

Về nội dung: Qua lời trình bày của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Ngọc D tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Krông Kmar, Krông Bông, Đắk Lắk. Do vậy, hôn nhân giữa chị T và anh D là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, do vợ chồng mâu thuẫn với nhau và đã không chung sống cùng nhau từ năm 2017 đến nay, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Nguyễn Ngọc D .

Về con chung và tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Ngọc D không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, đề nghị Hội đồng chấp nhận .

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết "Ly hôn" với anh Nguyễn Ngọc D . Các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại huyện KB, Đăk Lăk. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về hôn nhân:* Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Ngọc D tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn KK, KBĐăk Lăk . Do vậy, hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Ngọc D là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, do mâu thuẫn vợ chồng nên từ năm 2017 đến nay, chị Trần Thị T và anh Nguyễn Ngọc D không còn chung sống với nhau, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn với nhau vì không thể đoàn tụ để duy trì cuộc sống hôn nhân .

Về con chung và tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Ngọc D không có con chung và tài sản chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị T tự nguyện chịu tiền án phí sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Ngọc D .

Giấy chứng nhận kết hôn số 44, ngày 29/10/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn Krông Kmar, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk cấp cho chị Trần Thị T và anh Nguyễn Ngọc D hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị T tự nguyện chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ mà chị Trần Thị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0004902 ngày 15/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND H. Krông Bông;*
- *Chi cục THADS;*
- *Các đương sự;*
- *UBND TT Krông Kmar;*

- Lưu HS, VP.

Trương Thị Huế